

Bản án số: 04/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 17-4-2018

V/v trA chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH - TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Gia;

2. Ông: Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2017, về trA chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M - sinh ngày: 26/8/1976;

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: A Ngô Bá Q - sinh ngày: 12/10/1974;

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị M và A Q đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 27/11/2017, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Ngô Bá Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997; trước khi chung sống với nhau có được tự do tìm hiểu, việc chung sống với nhau là tự nguyện không ai ép buộc ai. Tuy nhiên do nhiều lý do khách quan, chủ quan khác nhau A chị không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm Q theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc,

đến đầu năm 2016 anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị và anh Q không hòa hợp nhau về tính cách và bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh Q hay nghi ngờ ghen tuông nhiều khi không tôn trọng chị. Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên từ khoảng đầu tháng 11/2016 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xóm T, xã T ở, vợ chồng chính thức sống ly thân nhau và không quan tâm đến nhau nữa từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Bá Q theo quy định pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Q có với nhau hai người con chung là Ngô Quang H, sinh ngày 15/5/1998 và Ngô Ngọc A, sinh ngày 03/11/2008. Cháu H đã đến tuổi trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu A tuổi còn nhỏ, hiện cháu đang ở cùng chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc A và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ, chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Bị đơn anh Ngô Bá Q trình bày: Anh xác định lời trình bày trên của chị M về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và thời điểm vợ chồng sống ly thân nhau là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do vợ chồng quan điểm sống và xảy ra xô sát nên trong cuộc sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay chị M yêu cầu được ly hôn anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị M đã trình bày. Khi ly hôn anh tôn trọng quyết định của con. Nếu các con có nguyện vọng muốn được ở với chị M anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q nhất trí như ý kiến trình bày trên của chị M, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Các đương sự tham gia tố tụng đã chấp hành đúng Q và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71, 72 của BLTTDS.

Về nội dung vụ án:

- Đề nghị HĐXX không công nhận Chị Nguyễn Thị M và anh Ngô Bá Q là vợ chồng;

- Về con chung: Cháu Ngô Quang H đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Giao cháu Ngô Ngọc A, sinh ngày 03/11/2008 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao

động tự túc được. Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q cho đến khi có yêu cầu khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Chị M phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Ngô Bá Q cùng nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của TAND huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về quan hệ hôn nhân và các yêu cầu của đương sự:

Chị M và anh Q về chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi kết hôn theo Luật định. Tuy nhiên, từ khi chung sống đến nay, chị M và anh Q không đăng ký kết hôn, không được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Từ đầu năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hòa hợp với nhau về tính cách và quan điểm sống. Hơn nữa cả hai bên đều không có sự tôn trọng nhau, không chia sẻ, thương yêu quý trọng nhau nên trong cuộc sống chung vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên từ tháng 11/2016 chị M đã về nhà bố mẹ đẻ ở (anh Q ở lại nhà cũ), vợ chồng chính thức sống ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa từ đó đến nay. Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên quan điểm của mình xin được ly hôn ly hôn anh Q, anh Q cũng nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Q đã ở tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do chị M và anh Q không đăng ký kết hôn, vi phạm quy định điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2, 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của TANDTC-VKSNDTC-BTP, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận chị M và anh Q là vợ chồng là đúng quy định pháp luật.

Về con chung: Chị M và anh Q có với nhau hai người con chung là Ngô Quang H sinh ngày 15/5/1998 và Ngô Ngọc A, sinh ngày 03/11/2008. Cháu H hiện đã trưởng thành và không bị mất năng lực hành vi dân sự, hiện đã tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết. Đối với cháu A hiện còn nhỏ và đang ở ổn định với chị M, cháu cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ và cũng

phù hợp với yêu cầu của chị M nên cần chấp nhận và giao cháu Ngô Ngọc A cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị M không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Q.

Về tài sản chung: Chị M và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị M và anh Q xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Xét đề nghị của Đại diện VKS về việc giải quyết vụ án là có căn cứ phù hợp các quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] *Về án phí:* Chị M phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và Điều 273 của BLTTDS; các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2, 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06/ 01/2016 của TANDTC-VKSNDTC-BTP, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Chị Nguyễn Thị M và anh Ngô Bá Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Ngọc A, sinh ngày 03/11/2008 cho chị Nguyễn Thị M có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động tự túc được hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q vì chị M tự nguyện chưa yêu cầu.

Anh Q được quyền đi thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về công nợ chung: Chị M và anh Q xác định vợ chồng không có công nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000314 ngày 27/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Chị M đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị M và anh Q báo biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn